

KINH CHUYỀN PHÁP LUÂN

BÀI PHÁP ĐẦU TIÊN

Trích: Đức Phật và Phật Pháp - Hòa thượng Narada, 1980
Phạm Kim Khánh Dịch Việt, 1998

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 25-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Giới Thiệu
Bài Pháp Đầu Tiên Của Đức Phật
Vài Nhận Xét về Kinh Chuyền Pháp Luân
Bài Pháp Thứ Nhì

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Dân tộc Ấn Độ thời xưa được nổi danh là đã un đúc được nhiều vị hiền triết và giáo chủ lỗi lạc, mỗi vị có một quan kiến khác nhau về đời sống và mục tiêu của đời sống. Kinh Brahmajala Sutta (Phạm Võng) của bộ Digha Nikaya (Trường A Hàm) ghi nhận tất cả sáu mươi hai chủ thuyết triết học khác nhau nổi bật nhất thời bấy giờ.

Một quan kiến cực đoan trái ngược hẳn với các trào lưu tín ngưỡng lúc ấy là thuyết tuyệt diệt, hay đoạn kiến, của những người chủ trương sống theo vật chất, cũng gọi là Carvakas, lấy tên của người sáng lập ra chủ thuyết ấy.

Theo chủ thuyết vật chất này của thời xưa - danh từ Pali và Sanskrit đều gọi là Lokayata - sau khi chết con người hoàn toàn tiêu diệt, bỏ lại tất cả mọi năng lực phát nguyên trong đời sống. Theo họ, chết là hết, là chấm dứt tất cả. Chỉ có thế gian hiện tại là thực tiễn: "Hãy ăn, uống và tận hưởng mọi lạc thú, vì cái chết đến với tất cả", hình như là lý tưởng của hệ thống này. Đối với những người này, "đạo đức là một ảo tưởng, chỉ có khoái lạc là thực tiễn. Chết là mức cuối cùng của đời sống. Tôn giáo là một thác loạn điên cuồng,

một chứng bệnh thần kinh. Có sự ngờ vực tất cả những gì tốt đẹp, cao cả, trong sạch và bi mẫn. Lý thuyết của họ chủ trương thỏa mãn dục vọng, lợi kỷ và thô kệch xác nhận ý chí tục tằn. Không cần phải kiểm soát khát vọng và bản năng bởi vì đó là phần di sản thiên nhiên của con người."

Một quan kiến khác chủ trương rằng chỉ có đời sống khổ hạnh mới có thể đưa con người đến giải thoát. Đó là giáo lý thuần túy đạo đức mà những nhà tu khổ hạnh thời bấy giờ bênh vực một cách mạnh mẽ. Năm vị đạo sĩ theo hầu cận Bồ Tát trong cuộc chiến đấu để thành đạt Đạo Quả thuộc về thành phần này.

Trước khi chứng đắc Quả vô thượng, chính Đức Phật cũng thực hành đúng theo tôn chỉ này và khếp mình vào mọi hình thức khắc khổ. Sau sáu năm chiến đấu một cách phi thường, Ngài nhận định rằng lối tu khổ hạnh quả thật vô ích. Do đó, Ngài thay đổi phương pháp, theo Trung Đạo. Năm vị đệ tử thân tín thấy vậy mất hết niềm tin, bỏ ra đi và nói rằng: "Đạo Sĩ Gotama (Cồ Đàm) đã trở lại đời sống xa hoa, đã chấm dứt cố gắng và đã trở về đời sống tiện nghi phong phú."

Sự bỏ đi bất ngờ này rõ ràng là một thiếu thốn vật chất quan trọng cho Đức Phật vì trước kia, năm vị hết lòng hầu cận và chăm lo hỗ trợ Ngài trong mọi cần yếu. Tuy nhiên Bồ Tát vẫn không sờn lòng. Trái lại, ý chí sắt đá càng vững mạnh, có thể Ngài càng thỏa thích hơn trong công phu đơn độc chuyên cần cố gắng. Với lòng nhiệt thành không suy giảm và năng lực phục hồi, Ngài kiên trì tận lực tinh tấn cho đến lúc thành đạt Chánh Giác, mục tiêu cứu cánh của Ngài.

---o0o---

Bài Pháp Đầu Tiên Của Đức Phật

Bài pháp đầu tiên của đức phật gọi là Dhammacakka. Phạm ngữ này thường được phiên dịch là "Vương Quốc của Chân Lý", "Vương Quốc của sự Chánh Đẳng", "Bánh Xe Chân Lý". Theo các nhà chú giải, danh từ Dhamma ở đây có nghĩa là trí tuệ hay sự hiểu biết, và Cakka là thành lập hay củng cố. Như vậy, Dhammacakka là thành lập, hay củng cố trí tuệ. Dhammacakkappavattana là "Trình Bày Sự Củng Cố Trí Tuệ". Dhamma cũng có nghĩa là chân lý và Cakka là bánh xe. Do đó, Dhammacakkappavattana là "Vận Chuyển hay Củng Cố Bánh Xe Chân Lý".

Trong bài Pháp cực kỳ quan trọng này Đức Phật truyền bá con đường gọi là "Trung Đạo" mà Ngài đã khám phá, mà cũng là tinh hoa của giáo lý Ngài. Mở đầu bài Pháp, Đức Phật khuyên năm vị đạo sĩ khổ hạnh nên xa lánh hai lối tu cực đoan là lợi dưỡng và khổ hạnh vì cả hai không thể dẫn đến trạng thái tuyệt đối Thanh Bình An Lạc và Toàn Giác. Lợi dưỡng làm chậm trễ tiến bộ tinh thần. Khổ hạnh làm giảm suy trí thức. Ngài chỉ trích cả hai vì chính bản thân Ngài đã tích cực sống theo lối cực đoan ấy và kinh nghiệm rằng cả hai đều không dẫn đến mục tiêu cứu cánh. Rồi Ngài vạch ra con đường vô cùng thực tiễn, hợp lý và hữu ích. Đây là con đường duy nhất dẫn đến tình trạng trong sạch hoàn toàn và tuyệt đối giải thoát.

Lúc ấy Đức Phật ngự tại vườn Lộc Giả, Isipatana, gần Benares.

Năm vị đạo sĩ thông minh xuất chúng -- đã cùng chung sống với Bồ Tát rông rã sáu năm dài -- là năm chúng sanh duy nhất trong cảnh người lúc ấy được thính Pháp. Kinh sách ghi rằng có rất đông những chúng sanh vô hình, như chư Thiên và chư Phạm Thiên, cũng thừa cơ hội vàng ngọc này đến nghe. Người Phật tử tin rằng ngoài thế gian này, còn có chúng sanh ở những cảnh giới khác, và cơ thể vật chất (sắc) của những chúng sanh ấy tế nhị đến nỗi mắt người không thể trông thấy, và tin rằng lúc bấy giờ chư Thiên và chư Phạm Thiên có thể nhân cơ hội hy hữu, đến nghe bài Pháp đầu tiên của Đức Phật. Tuy nhiên bài Pháp rõ ràng hướng về năm đạo sĩ.

Mở đầu, Đức Phật dạy nên lánh xa hai cực đoan. Chính câu Phật ngôn là:

"Có hai cực đoan (anta) mà người xuất gia (pabbajitena) không nên nương nhờ".

Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh hai danh từ "anta", là mức tột cùng, điều thái quá, cực điểm hay cực đoan, và "pabbajita" là người từ bỏ thế gian, ly gia cắt ái, người xuất gia.

Đúng theo danh từ mà Đức Phật dùng, một cực đoan là liên tục luyện ái, mãi mãi lăn trôi theo nhục dục ngũ trần (kamasukhallikanuyoga). Đức Phật mô tả cực đoan này là thấp hèn, thô bỉ, phàm tục, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh nhân và vô bổ.

Không nên lầm hiểu rằng như thế có nghĩa là Đức Phật mong muốn cho tất cả tín đồ từ bỏ mọi thú vui vật chất và rút vào rừng sâu vắng vẻ, không thọ hưởng đời sống. Ngài không đến để đối hẹp hòi như thế.

Dầu người say đắm nhục dục có ảo kiến thế nào, đối với ai biết điềm tĩnh suy tư, khoái lạc vật chất quả thật là ngắn ngủi, không khi nào được thỏa mãn trọn vẹn và chỉ đưa đến hậu quả bất hạnh. Đề cập đến hạnh phúc trần gian, Đức Phật dạy rằng thâm thập tài sản và hưởng thọ tài sản đã thâm thập, là hai nguồn vui thích của người tại gia cư sĩ. Tuy nhiên, bậc xuất gia chân chánh không tìm thích thú trong việc chạy theo những khoái lạc tạm bợ nhất thời ấy. Đôi khi người ta lấy làm ngạc nhiên, không hiểu vì sao người tu hành lại xa lánh mình. Nguồn hạnh phúc của một hạng người có thể là tiếng chuông báo động cho những người khác, và đối với hạng người này chỉ có sự xuất gia, từ khước và xa lánh thế tục là hạnh phúc.

Trái hẳn với lợi dưỡng, cực đoan kia là một nỗ lực kiên trì trong lối tu khổ hạnh (attakilamathanuyoga). Phê bình cực đoan này -- mà người thường không thể thực hành được -- Đức Phật dạy rằng đây là một phương pháp đau khổ, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh nhân, và vô bổ. Khác với cực đoan kia mà Ngài mô tả là thấp hèn, thô bỉ và phàm tục. Sự loại bỏ ba danh từ trên thật đáng ghi nhận. Thế thường, chỉ có những đạo sĩ thành thật quyết tâm từ bỏ mọi luyến ái về nhục dục ngũ trần mới khép mình vào kỷ cương đau khổ này để thành đạt sự giải thoát trọn vẹn ra khỏi những phiền não của đời sống. Đức Phật đã tự bản thân kinh nghiệm lối tu đau khổ ấy. Ngài miêu tả nó là vô ích, làm gia tăng đau khổ thay vì suy giảm.

Chư Phật và chư vị A Là Hán được gọi là Ariya, có nghĩa là những bậc Cao Quý, Thánh Thiện. Như vậy, danh từ thấp hèn (Anariya, hạ liệt, nghịch nghĩa với Ariya) có thể được phân giải là không phải phẩm hạnh của chư Phật và chư vị A Là Hán, những người đã vượt lên khỏi mọi dục vọng .

Attha là sự tốt đẹp cùng tột, Cực Thiện, đối với người Phật tử, đó là Niết Bàn , sự thoát ly toàn vẹn ra khỏi mọi phiền lụy. Vậy danh từ vô bổ (anattasamhita) có thể được phân giải là "không dẫn đến Cực Thiện, Giải Thoát".

Trước tiên, Đức Phật rọi rõ vấn đề và làm sáng tỏ các ý niệm sai lầm của những người đang lắng nghe Ngài giảng. Đến khi tâm sôi động của các vị này đã trở nên sẵn sàng để lãnh hội, Đức Phật mới thuật lại kinh nghiệm bản thân của Ngài về hai cực đoan này.

Đức Phật dạy rằng Ngài (Như Lai) nhận thức được điềm sai lầm của hai cực đoan này nên theo con đường ở khoảng giữa - Trung Đạo. Đạo, hay con

đường mới này đó chính Ngài đã khám phá. Đức Phật gọi hệ thống mới mẻ này là Majjhima Patipada, Trung Đạo.

Để thuyết phục năm vị đệ tử nên chú tâm đến con đường mới này, Ngài giảng về những lợi ích của nó. Không giống như hai cực đoan, con đường ở khoảng giữa này đem lại giác ngộ tinh thần và trí tuệ minh mẫn, thấy được thực tướng của sự vật. Khi tinh thần lắng dịu được sáng tỏ và trí tuệ được khai thông thì mọi sự vật đều hiện ra trong bối cảnh thật sự của nó.

Hơn nữa, không giống như hai cực đoan nói trên, chỉ khích động dục vọng, Trung Đạo này chế ngự mọi thèm khát vật chất và do đó, dẫn đến bốn Thánh Đạo, thấu triệt Tứ Diệu Đế, và sau cùng chứng ngộ mục tiêu tối hậu, Niết Bàn.

Bây giờ, "Trung Đạo" là con đường như thế nào?

Đức Phật giải đáp: "Đó là Bát Chánh Đạo", con đường có tám chi và Ngài kể ra tám yếu tố ấy trong bài kinh Chuyển Pháp Luân.

Yếu tố đầu tiên là Chánh Kiến, điểm then chốt của Phật Giáo. Đức Phật khởi đầu bằng Chánh Kiến, sự hiểu biết chân chính để phá tan mọi hoài nghi của năm vị đạo sĩ và hướng dẫn các vị ấy vào con đường chánh. Chánh Kiến đề cập đến sự hiểu biết thực tướng của chính mình và dẫn đến Chánh Tư Duy, suy niệm chân chánh về đức hạnh không luyến ái hay khước từ, xuất gia (nekkhamma samkappa), tâm từ (avyapada samkappa), và tánh ôn hòa (avihimsa samkappa), những đặc điểm đối nghịch với lòng vị kỷ, ác ý và tánh hung bạo. Chánh Ngữ, có lời nói chân chánh, Chánh Nghiệp, tạo nghiệp chân chánh, và Chánh Mạng, nuôi mạng chân chánh, là ba yếu tố để toàn thiện giới đức. Yếu tố thứ sáu là Chánh Tinh Tấn, nỗ lực chân chánh, có liên quan đến công phu diệt trừ những trạng thái tâm xấu và phát triển những tâm trạng tốt. Công trình tự thanh lọc có thể được hoàn tất viên mãn bằng cách thận trọng nhìn trở lại vào bên trong chính mình. Do đó Chánh Niệm, yếu tố thứ bảy, quả thật là thiết yếu. Tinh Tấn phối hợp với Niệm, tạo nên Chánh Định, tức tâm an trụ vào một điểm duy nhất, nhất điểm tâm, là yếu tố thứ tám. Tâm an trụ giống như mặt kiếng được lau chùi bóng láng và mọi vật đều phản ảnh rõ ràng trung thực, không bị méo mó, không lu mờ.

Mở đầu bài Pháp bằng hai cực đoan và con đường "Trung Đạo" mà Ngài khám phá, Đức Phật giảng tiếp Tứ Diệu Đế, bốn Chân Lý Thâm Diệu, với nhiều chi tiết.

Phạn ngữ Sacca, là chân lý, cái gì thực sự có. Danh từ Bắc Phạn (Sanskrit) tương đương là Satya, một sự kiện không còn tranh luận nữa. Đức Phật kể ra bốn Chân Lý như vậy, và bốn Chân Lý này (Tứ Đế) là nền tảng của giáo lý nhà Phật, mật thiết liên quan đến cái gọi là chúng sanh. do đó, Phật Giáo lấy nhân bản làm trung tâm, lấy con người làm trụ cột, trái ngược với những tôn giáo lấy thần linh làm trung tâm. Phật Giáo hướng nội, không hướng ngoại. Dầu chư Phật có xuất hiện trên thế gian hay không, những Chân Lý ấy vẫn hiện hữu và một vị Phật chỉ khám phá ra nó bằng cách trực nhận, và truyền dạy lại cho người thế gian còn bị màn vô minh che lấp. Chân lý là sự thật vĩnh cửu, bất đi bất dịch và không thể bị thời gian biến đổi. Đức Phật một mình chứng ngộ những Chân Lý này chớ không có sự hỗ trợ nào của ai khác, và Ngài đã ghi nhận rõ ràng trong bài kinh Chuyển Pháp Luân: "Đối với các pháp trước kia chưa từng được nghe, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, giác tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai." Những danh từ này rõ thật có ý nghĩa vì nó chứng tỏ đặc tánh nguyên thủy của Giáo Pháp mới mẻ mà Ngài đã tìm ra. Do đó không thể chứng minh được giả thuyết chủ trương rằng Phật Giáo là một mức độ trưởng thành tự nhiên của Ấn Độ Giáo, mặc dầu quả thật có nhiều điểm tương đồng giữa hai tôn giáo.

Danh từ Pali gọi những Chân Lý này là Ariya Saccani (những chân lý thánh thiện, hay Thánh Đế), vì đây là những Chân Lý được tìm ra do Đức Phật, là bậc Thánh nhân (Ariya) vĩ đại nhất, hoàn toàn trong sạch và đã thanh lọc trọn vẹn mọi nhiễm ô.

Thánh Đế đầu tiên (Khổ Đế) đề cập đến Dukkha - một Phạn ngữ khó phiên dịch được một cách chính xác - mà ta thường gọi là đau khổ. Đứng về phương diện cảm giác, "du" là khó, "kha" là chịu đựng, "dukkha" là cái gì làm cho khó chịu đựng. Hiểu như một chân lý trừu tượng, "Du" là cái gì đáng khinh miệt, không đáng bám níu. "Kha" là hư vô, rỗng không. Thế gian nằm trong biển khổ và như vậy là đáng khinh miệt, ghê tởm, không đáng cho ta bám níu. Thế gian là một ảo ảnh, không có chi là thực tế, do đó thế gian là hư vô, rỗng không. Vậy, Dukkha là hư vô, không đáng cho ta bám níu.

Hạng người thường chỉ thấy lớp ngoài của sự vật. Nhưng bậc thánh nhân nhận ra chân tướng của vạn pháp.

Đối với bậc thánh nhân (ariya) đời sống là đau khổ, không thể sống mà không chịu khổ, vì các Ngài thấy rằng không thể có hạnh phúc thật sự, vững

bền, trong một thế gian huyền ảo, tạm bợ, chỉ có thể làm cho nhân loại thất vọng.

Mọi người đều phải chịu cảnh sanh (jati), và do đó, già (jara), bệnh (vyadhi) và cuối cùng chết (marana). Không ai có thể tránh khỏi bốn nguồn đau khổ ấy.

Điều mong ước mà không được thành tựu cũng là khổ. Thế thường, ta không muốn sống chung với những vật hay những vật mình không ưa mà cũng không muốn xa lìa những vật hay những người thân yêu. Nhưng, điều thiết tha mong mỏi không phải lúc nào cũng được thành tựu như ý muốn. Trái lại, những cảnh ngộ nghịch lòng hay những điều ít mong mỏi nhất, lắm khi đến với ta một cách đột ngột. Những trường hợp nghịch cảnh tương tự trở thành không thể chịu đựng nổi và đau khổ đến nỗi vài người yếu tánh và kém hiểu biết phải nghĩ đến quyền sinh cuộc đời, tưởng chừng như chết là giải quyết được mọi vấn đề đau khổ.

Hạnh phúc thật sự nằm bên trong chúng ta, và không thể được định nghĩa bằng những danh từ như tài sản, sự nghiệp, quyền lực, danh vọng, hay chinh phục, xâm lăng. Nếu những điều kể trên được thủ thập bằng bạo lực, cường quyền hay một cách bất công, hoặc hướng sai chiều, hay nhìn với tâm luyến ái, nó sẽ trở thành nguyên nhân sanh đau khổ hay phiền muộn.

Một người thông thường, trung bình, chỉ biết thọ hưởng dục lạc, và cho đó là cao thượng, là hạnh phúc duy nhất. Trong sự thỏa mãn nhục dục, chắc chắn có hạnh phúc nhất thời khi mong chờ, khi thọ hưởng, và khi hồi nhớ các thú vui ấy. Nhưng nó chỉ là tạm bợ và huyền ảo. Theo Đức Phật, không luyến ái (viragata), hay vươn mình vượt qua khỏi những khoái lạc vật chất là hạnh phúc cao thượng hơn.

Tóm tắt, chính cơ thể được cấu tạo này (pancupadanakkandha, do ngũ uẩn phối hợp) là nguyên nhân sanh đau khổ.

Có ba loại ái dục. Đầu tiên, hình thức ái dục thô kịch nhất là luyến ái theo nhục dục ngũ trần (kamatanha). Thứ nhì là luyến ái đời sống (bhavatanha), và thứ ba là luyến ái theo trạng thái vô sanh (vibhavatanha). Theo các bản chú giải thì hai loại ái dục sau là luyến ái những khoái lạc vật chất có liên quan đến niềm tin rằng vạn vật là trường tồn vĩnh cửu (sassataditthi, thường kiến) và luyến ái có liên quan đến sự tin tưởng rằng sau kiếp sống này là hư vô, không còn gì hết (ucchedaditthi, đoạn kiến). Bhavatanha cũng có nghĩa là luyến ái trong Sắc Giới và Vibhavatanha là luyến ái trong Vô Sắc Giới, vì

Aruparaga (ham muốn đeo níu theo Vô Sắc Giới) cũng được xem là hai thăng thức (samyojana, dây trói buộc, cột chúng sanh vào vòng luân hồi).

Ái dục là một năng lực tinh thần vô cùng hùng mạnh, luôn luôn ngủ ngầm trong mỗi người và là nguyên nhân chánh của phần lớn các điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục, thô kịch hay vi tế, làm cho ta bám víu vào đời sống và do đó, dẫn dắt ta mãi mãi phiêu bạt trong vòng luân hồi.

Những hình thức thô kịch nhất của ái dục được giảm suy phần nào khi đắc Quả Tư Đà Hàm (Nhất Lai), tầng nhì trong các tầng thánh, và chỉ được diệt trừ khi đắc Quả A Na Hàm (Bát Lai), tầng thánh thứ ba. Những hình thức ái dục tế nhị được tận diệt trọn vẹn khi thành đạt Đạo Quả A La Hán.

Hiểu biết Chân Chánh Chân Lý đầu tiên (Khô Đê) dẫn đến tận diệt (pahatabba) ái dục. Rồi Chân Lý thứ nhì (Tập Đê) đề cập đến thái độ tinh thần của một người bình thường đối với ngũ trần. Chân Lý thứ ba (Diệt Đê) là có sự chấm dứt trọn vẹn mọi hình thức đau khổ, tức Niết Bàn, mục tiêu cứu cánh của người Phật tử. Niết Bàn có thể được thành tựu trong chính kiếp sống hiện tiền, bằng cách tận diệt mọi hình thức ái dục. Niết Bàn phải được thấu triệt (sacchikatabba) do nhãn quan tinh thần, bằng cách chấm dứt mọi luyến ái với thế gian bên ngoài.

Khô Đê - tùy thuộc nơi cái gọi là chúng sanh và những sắc thái khác nhau của đời sống - phải được thận trọng nhận thức, phân tách và quan sát (parinneyya). Sự quan sát này dẫn đến tri kiến thích đáng thực tướng của chính ta.

Nguyên nhân của đau khổ là ái dục, hay luyến ái (tanha). Đó là Tập Đê, Chân Lý Thâm Diệu thứ nhì.

Kinh Pháp Cú ghi:

"Do ái dục sanh phiền muộn. Do ái dục sanh lo sợ. Người đã hoàn toàn chấm dứt ái dục không còn phiền muộn, càng ít lo sợ". (câu 216)

Đức Phật dạy rằng ái dục dẫn đến sanh-tử, tử-sanh, triền miên, mãi mãi (ponobhavika, dẫn đến tái sanh). Phạn ngữ này rất đáng được ghi nhận vì có vài học giả cho rằng Đức Phật không hề dạy thuyết tái sanh. Tập Đê gián tiếp đề cập đến đời sống quá khứ, hiện tại và vị lai.

Diệt Đế, Chân Lý Thâm Diệu thứ ba, phải được chứng ngộ bằng cách phát triển (bhavetabba) Bát Chánh Đạo (Ariyatthagika magga, Bát Thánh Đạo). Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất dẫn ngay đến Đạo Quả Niết Bàn và cũng là Chân Lý Thâm Diệu cuối cùng - Đạo Đế - trong Tứ Diệu Đế.

Sau khi đã giảng giải Tứ Diệu Đế một cách tỉ mỉ và rành mạch, Đức Phật kết luận bài Pháp với những lời mạnh mẽ sau đây: "Hỡi này các Tỳ Khưu, ngày nào mà tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về Tứ Đế dưới ba sắc thái và mười hai phương thức¹, chưa được hoàn toàn sáng tỏ thì, cho đến chừng ấy, Như Lai không xác nhận rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (anuttara sammāsambodhi).

"Khi tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về Tứ Đế trở nên hoàn toàn sáng tỏ, chỉ đến chừng ấy, Như Lai mới xác nhận rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

"Và lúc ấy phát sanh tri kiến và tuệ giác: Tâm của Như Lai đã hoàn toàn giải thoát một cách vững chắc, không còn lay chuyển, và đây là kiếp sống cuối cùng, không còn đời sống nào khác nữa."

Khi thời Pháp chấm dứt, Kondanna (Kiều Trần Như), vị đệ tử cao niên nhất trong năm vị, thấu triệt Giáo Pháp và đắc Quả Tu Đà Hườn, tầng đầu tiên trong bốn tầng Thánh. Ngài chứng ngộ rằng cái gì đã có sinh ra tức phải hoại diệt - Yam kinci samudayadhammam sabbam tam nirodha-dhammam.

Lúc Đức Phật chuyển Pháp Luân, chư Thiên trên quả địa cầu hoan hô:

"Pháp Luân này quả thật tuyệt diệu! Không có sa môn, bà la môn, chư Thiên, Ma Vương hay Phạm Thiên nào trên thế gian có thể giảng được. Đức Thế Tôn đã vận chuyển Pháp Luân trong vườn Lộc Giả, tại Isipatana, gần Benares (Ba La Nại)."

Nghe vầy chư Thiên và chư Phạm Thiên trong tất cả các cảnh giới khác của đồng thanh hoan hô.

Một hào quang rực rỡ phát chiếu rọi sáng thế gian, tỏ hơn hào quang của chư Thiên nhiều.

Ánh sáng của Giáo Pháp làm tỏ rạng toàn thể dân gian và đem trạng thái thanh bình an lạc và hạnh phúc đến cho tất cả chúng sanh.

---o0o---

Bài Pháp Đầu Tiên Của Đức Phật

Dhammacakkappavattana Sutta (Kinh Chuyển Pháp Luân)

Lúc ấy tôi có nghe như thế này:

Một thời nọ, lúc Đức Thế Tôn ngự tại vườn Lộc Giả², xứ Isipatana³, gần Benares, Ngài dạy năm vị tỳ khuru như sau:

"Hỡi này các Tỳ Khuru, có hai cực đoan (anta) mà hàng xuất gia (pabbajitena) phải tránh:

- 1.- Sự dễ dãi trong dục lạc - là thấp hèn, thô bỉ, phàm tục, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh nhân, và vô ích.
- 2.- Sự thiết tha gắn bó trong lối tu khổ hạnh - là đau khô, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh nhân, và vô ích.

Từ bỏ cả hai cực đoan ấy, Như Lai⁴ đã chứng ngộ "Trung Đạo" (Majjhima Patipada), là con đường đem lại nhãn quan (cakkhu) và tri kiến (nana) và đưa đến an tịnh (vupasamaya)⁵, trí tuệ cao siêu (abhinnaya)⁶, giác ngộ (sambhodhaya)⁷, và Niết Bàn.

"Hỡi này các Tỳ Khuru, con đường Trung Đạo mà Như Lai đã chứng ngộ, con đường đem lại nhãn quan, tri kiến và đưa đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và Niết Bàn là gì?"

Đó chính là Bát Chánh Đạo (con đường có tám chi) - là Chánh Kiến (samma ditthi), Chánh Tư Duy (samma samkappa), Chánh Ngữ (samma vaca), Chánh Nghiệp (samma kammanta), Chánh Mạng (samma ajiva), Chánh Tinh Tấn (samma vayama), Chánh Niệm (samma sati), và Chánh Định (samma samadhi). Hỡi này các Tỳ Khuru, đó là "Trung Đạo" mà Như Lai đã chứng ngộ".

(Đức Phật giảng tiếp):

"Hỡi này các Tỳ Khuru, bây giờ, đây là Chân Lý Thâm Diệu về sự Khổ (dukkha-ariya-sacca, Khổ thánh đế):

"Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa những người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ, tóm lại, chấp thân ngũ uẩn là khổ."⁸

Bây giờ, hồi này các Tỳ Khuru, đây là Chân Lý Thâm Diệu về Nguồn Gốc của Đau Khổ (dukkha-samudaya-ariyasacca, Tập khổ thánh đế). Chính Ái Dục là nguyên nhân đưa đến sự tái sinh (ponobhavika).

Ái, hợp với tâm thiết tha khao khát, bám níu cái này hay cái kia (đời sống). Chính là Ái, đeo níu theo nhục dục ngũ trần (kamatanha), ái đeo níu theo sự sinh tồn (bhavatanha, sanh ái, luyện ái với ý tưởng cho rằng vạn vật là trường tồn vĩnh cửu), và ái, đeo níu theo sự không sinh tồn (vibhavatanha, vô sanh ái, luyện ái với ý tưởng cho rằng sau cái chết là hư vô).

Bây giờ, hồi này các Tỳ Khuru, đây là Chân Lý Thâm Diệu về Sự Diệt Khổ (dukkha-nirodha-ariyasacca, Diệt khổ thánh đế). Đó là xa lánh trọn vẹn và tận diệt chính tâm ái dục ấy. Đó là sự rời bỏ, sự từ khước, sự thoát ly và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục.

Bây giờ, hồi này các Tỳ Khuru, đây là Chân Lý Thâm Diệu về Con Đường dẫn đến sự Diệt Khổ (dukkha-nirodha-gamini-patipada-ariya-sacca, Đạo diệt khổ thánh đế).

Đó là Bát Chánh Đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định

-I-

(1) "Đây là Khổ Thánh Đế"

Như vậy, hồi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(2) "Khổ Thánh Đế này phải được nhận thức (parinneya)."

Như vậy, hồi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(3) "Khổ Thánh Đế này đã được nhận thức (parinnata)."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

-II-

(1) "Đây là Tập Khổ Thánh Đế."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(2) "Tập Khổ Thánh Đế này phải được tận diệt (pahatabba)."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(3) "Tập Khổ Thánh Đế này đã được tận diệt (pahinam)."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

-III-

(1) "Đây là Diệt Khổ Thánh Đế."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(2) "Diệt Khổ Thánh Đế này phải được chứng ngộ (sacchikatabba)."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(3) "Diệt Khổ Thánh Đế này đã được chứng ngộ (sacchikatam)."

Như vậy, hỡi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

-IV-

(1) "Đây là Đạo Diệt Khổ Thánh Đế"

Như vậy, hồi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(2) "Đạo Diệt Khổ Thánh Đế này phải được phát triển (bhavetabbam)."

Như vậy, hồi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(3) "Đạo Diệt Khổ Thánh Đế này đã được phát triển (bhavitam)."

Như vậy, hồi các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

(Đề kết luận thời Pháp, Đức Phật dạy):

"Hồi này các Tỳ Khuru, ngày nào mà tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức⁹ chưa được hoàn toàn sáng tỏ thì, cho đến chừng ấy, Như Lai không xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng sa môn, bà la môn, Trời và người, rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (anuttaram samma-sambodhim).

Đến khi, hồi này các Tỳ Khuru, tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức, đã trở nên hoàn toàn sáng tỏ, chỉ đến chừng ấy, Như Lai mới xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng sa môn, bà la môn, Trời và người, rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

Và lúc ấy tri kiến và tuệ giác phát sanh đến Như Lai (nanadassana). Tâm của Như Lai đã hoàn toàn giải thoát một cách vững chắc, không còn lay chuyển, và đây là kiếp sống cuối cùng, không còn kiếp sinh tồn nào khác nữa."¹⁰

Đức Phật giảng như thế ấy và các vị tỳ khuru lấy làm hoan hỷ tán dương lời dạy của Đức Thế Tôn.

Khi Đức Phật giảng xong thời Pháp, pháp nhãn (Dhammacakkhu)¹¹ của Ngài Kondanna (Kiều Trần Như) không còn vương bụi, hết bợn nhơ, (và Ngài thấy rằng) "cái gì đã có sanh tức phải hoại diệt."

Lúc Đức Thế Tôn chuyển Pháp Luân, chư Thiên trên quả địa cầu hoan hô: "Pháp Luân này quả thật tuyệt diệu! Không có sa môn, bà la môn, chư Thiên, Ma Vương hay Phạm Thiên nào trên thế gian có thể giảng được. Đức Thế Tôn đã vận chuyển Pháp Luân này trong vườn Lộc Già, tại Isipatana, gần Benares (Ba La Nại)."

Nghe như vậy, chư Thiên ở các cung Trời Tứ Đại Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất Đà, Hoá Lạc Thiên, Tha Hoá Tự Tại, và chư Phạm Thiên ở cõi Phạm Chúng Thiên, Brahma Purohita, Đại Phạm Thiên, Thiệu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên, Thiệu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên Biến Tịnh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, và chư Phạm Thiên ở cảnh giới hoàn toàn tinh khiết, cảnh giới trường cửu, thanh tịnh, đẹp đẽ, quang đấng và tối thượng, cũng đồng thanh hoan hô.

Chính ngay trong lúc ấy, trong khoảnh khắc ấy, tiếng hoan hô thấu đến cảnh Phạm Thiên. Mười ngàn thế giới ấy đều chuyển động, lung lay và rung chuyển mạnh mẽ.

Một hào quang rực rỡ phát chiếu, rọi sáng thế gian, sáng tỏ hơn hào quang của chư Thiên nhiều. Đức Thế Tôn nói: "Kondanna quả đã chứng ngộ, Kondanna quả đã chứng ngộ".

Do đó Ngài Kondanna có tên là Annata Kondanna.

---o0o---

Vài Nhận Xét về Kinh Chuyển Pháp Luân

1. Phật Giáo căn cứ trên kinh nghiệm bản thân. như vậy, Phật Giáo hợp lý, không phải là một lý thuyết chỉ dựa trên suy niệm và luận lý suông.
2. Đức Phật tránh xa những hệ thống tư tưởng có thể lực thời bấy giờ và trình bày một "Trung Đạo", hoàn toàn do Ngài tìm ra chứ không dựa vào lập luận của ai.
3. Phật Giáo là một con đường hay Đạo (maggā).
4. Kiến thức thích hợp với lý trí là điểm then chốt của Phật Giáo.
5. Đức tin mù quáng bị loại trừ, không còn chỗ đứng trong Phật Giáo.

6. Phật Giáo nhấn mạnh tầm quan trọng của sự thực hành, thay vì chú trọng đến tín ngưỡng và giáo điều. Tin tưởng suông vào giáo điều không thể dẫn đến giải thoát.

7. Nghi thức và cúng tế, được xem là quan trọng trong kinh Phệ Đà (Veda), không có vai trò trong Phật Giáo.

8. Không có Thần Linh để con người phải khếp nép kính sợ.

9. Không có giai cấp trung gian giữa người và Thần Linh để con người phải rụt rè.

10. Giới (sila), Định (samadhi), Tuệ (panna) là chánh yếu để thành tựu mục tiêu - Niết Bàn.

11. Nền tảng của Phật Giáo là bốn Chân Lý (Tứ Diệu Đế) có thể kiểm nhận bằng kinh nghiệm.

12. Tứ Diệu Đế dính liền với con người.

13. Bốn Chân Lý ấy do chính Đức Phật khám phá và Ngài đã tìm ra một mình, không nhờ ai. Chính câu Phật ngôn là: "Bốn Chân Lý này chưa từng được nghe".

14. Đã là Chân Lý thì không thể biến đổi với thời gian.

15. Khổ Đế, chân lý đầu tiên, đề cập đến những thành phần cấu tạo bản ngã, hay cái được gọi là cá nhân, và những giai đoạn khác nhau trong đời sống. Các thành phần này cần phải được phân tách, xem xét tỉ mỉ và quan sát. Sự quan sát này dẫn đến hiểu biết mình một cách chân chính.

16. Thấu triệt Chân Lý thứ nhất (Khổ Đế) một cách hợp lý đưa đến tận diệt nguyên nhân của Khổ, Chân Lý thứ nhì. Đế này đề cập đến thái độ tâm lý của một người thông thường đối với ngoại cảnh.

17. Chân Lý thứ nhì (Tập Đế) có liên quan đến một năng lực hùng hậu luôn luôn ngủ ngầm bên trong mỗi người.

18. Chính năng lực tinh thần hùng hậu ấy - ái dục - là nguyên nhân đưa đến tất cả những điều bất hạnh trong đời sống.

19. Tập Đê đề cập một cách gián tiếp đến những kiếp sống quá khứ, hiện tại và tương lai.

20. Như vậy, sự hiện hữu của chuỗi dài những kiếp sinh tồn đã được Đức Phật biện minh.

21. Do đó, lý nghiệp báo, một hệ luận của thuyết tái sinh, cùng một lúc, cũng được bao hàm đề cập đến.

22. Hai Chân Lý đầu tiên là tại thế, thuộc về thế gian (lokiya). Chân Lý thứ ba - chấm dứt đau khổ - mặc dầu tùy thuộc nơi ta, là siêu thế (lokuttara) và vượt hẳn ra ngoài phạm vi luân lý.

23. Đế thứ ba - thuần túy là sự tự giác - là một pháp (dhamma) phải được thấu triệt bằng nhãn quan tinh thần (sacchikatabba).

24. Chân Lý này - Diệt Đế - phải được chứng ngộ bằng sự siêu thoát hoàn toàn. Đây không phải là trường hợp từ khước những trần cảnh bên ngoài, mà là dứt bỏ mọi luyến ái ở bên trong đối với thế gian bên ngoài.

25. Diệt Đế được thành tựu bằng cách tận diệt trọn vẹn mọi luyến ái. Nhưng phải ghi nhận rằng nếu chỉ có một việc là tận diệt năng lực tinh thần ấy (luyến ái) thì không đủ để chứng ngộ Niết Bàn, Chân Lý thứ ba, vì như thế, Niết Bàn sẽ có nghĩa là hư vô. Tuy nhiên, đạo Quả phải được thành đạt bằng cách tận diệt năng lực ấy vì chính nó trói buộc chúng sanh vào thế gian (tam giới: Dục, Sắc và Vô Sắc Giới).

26. Niết Bàn không phải được tạo nên (uppadetabba) mà phải được đạt đến (pattaba). Niết Bàn có thể được thành tựu ngay trong kiếp sống hiện tại này. Như vậy, có thể hiểu rằng mặc dầu tái sinh là giáo lý chánh yếu trong Phật Giáo, mục tiêu cứu cánh của Phật Giáo là chấm dứt tái sinh - không tùy thuộc ở tương lai, vì có thể thành tựu trong kiếp sống hiện tiền.

27. Đế thứ ba phải được thành tựu bằng cách trau dồi và phát triển đế thứ tư.

28. Để tận diệt một năng lực hùng mạnh (ái dục) cần phải vận dụng và phát triển tám yếu tố công hiệu (Bát Chánh Đạo).

29. Tất cả tám yếu tố đều thuộc về tinh thần.

30. Tám năng lực tinh thần hùng mạnh và có tánh cách thiện, phải được tập trung để đánh đổ một năng lực bất thiện dai dẳng ngủ ngầm bên trong ta.

31. Tuyệt đối tinh khiết, hoàn toàn thoát ra khỏi mọi tiến trình sanh tử triền miên, một cái tâm không còn vướng chút ô nhiễm, trạng thái bất diệt (amata), là những phước lành đi kèm theo cuộc chiến thắng vĩ đại này.

32. Có phải chăng sự giải thoát này là hoàn hảo hay tuyệt đối tinh khiết?

Quan điểm sau cùng là thích đáng hơn.

33. Trong mỗi trường hợp, có thể nêu lên một câu hỏi: Hoàn hảo là gì? Tuyệt đối tinh khiết là gì?

Không có một chúng sanh hay một thực thể thuần nhất và trường tồn trong Phật Giáo mà chỉ có một luồng tâm xem như một dòng nước luôn luôn trôi chảy.

Như vậy, đúng hơn, ta phải nói rằng luồng tâm đã được thanh lọc, trở nên hoàn toàn tinh khiết bằng cách tận diệt và loại trừ mọi ô nhiễm.

---o0o---

Bài Pháp Thứ Nhì

Anattalakkhana Sutta
(Kinh Vô Ngã Tướng)
12

Một thời nọ, lúc Đức Thế Tôn ngự tại vườn Lộc Giả, xứ Isipitana, gần Benares (Ba La Nại). Ngài mở lời dạy nhóm năm vị Tỳ Khưu: "Này hỡi các Tỳ Khưu".

"Bạch Hóa Đức Thế Tôn", năm vị trả lời.

Rồi Đức Phật truyền dạy như sau:

"Hỡi các Tỳ Khưu, sắc (rupa) là vô ngã (anatta, không có một linh hồn trường cửu). Hỡi các Tỳ Khưu, nếu trong đó có linh hồn¹³, thì sắc này không phải chịu đau khổ. 'Sắc này phải như thế này hay sắc này phải không như thế kia' trường hợp tương tự có thể xảy ra. Nhưng vì sắc này không có linh hồn nên còn phải chịu khổ đau và không thể có trường hợp (ra lệnh): 'Phải như thế này hay phải không như thế kia'.

"Cùng một thể ấy, thọ (vedana), tưởng (sanna), hành (samkhara) và thức (vinnana) ¹⁴ đều vô ngã.

"Vậy, chư Tỳ Khuru nghĩ thể nào, sắc này thường còn hay vô thường?"

- Bạch Đức Thế Tôn, là vô thường (anicca).

- Cái gì vô thường là khổ đau hay hạnh phúc?"

- Bạch Đức Thế Tôn, là khổ (dukkha).

- Vậy, có hợp lý chăng nếu nghĩ đến cái gì vô thường, khổ và tạm bợ với ý tưởng: 'Cái này của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi?' ¹⁵

- Bạch Đức Thế Tôn, chắc chắn là không hợp lý.

- Cùng thể ấy, này hỡi các Tỳ Khuru, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường và khổ. Vậy có hợp lý chăng nếu nghĩ đến những gì vô thường, khổ và tạm bợ với ý tưởng: 'Cái này của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi?'

- Bạch Đức Thế Tôn, chắc chắn là không hợp lý.

- Như vậy, này hỡi các Tỳ Khuru, tất cả các sắc, dầu ở quá khứ, hiện tại hay tương lai, ở bên trong hay ở ngoại cảnh, thô kịch hay vi tế, thấp hèn hay cao thượng, xa hay gần, phải được nhận thức với tri kiến chân chánh theo thực tướng của nó: 'Cái này không phải của tôi (n'etam mama). Đây không phải là tôi (n'eso h'amasmi), cái này không phải là tự ngã của tôi (na me so atta)'.

Tất cả thọ, tưởng, hành, thức, dầu ở quá khứ, hiện tại hay vị lai, ở bên trong hay ở ngoại cảnh, thô kịch hay vi tế, thấp hèn hay cao thượng, xa hay gần, đều phải được nhận thức với tri kiến chân chánh theo thực tướng của nó: 'Cái này không phải của tôi, đây không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi'.

"Bậc Thánh đệ tử thông suốt pháp học thấy vậy thì nhàm chán sắc, thọ, tưởng, hành, thức - dứt bỏ, không luyến ái những gì không đáng được ưa thích và do sự dứt bỏ ấy, giải thoát. Rồi tri kiến trở nên sáng tỏ: 'Ta đã giải thoát'. Vị ấy thấu hiểu rằng dòng sanh tử đã chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã được thành tựu, những điều cần phải làm đã được hoàn tất viên mãn, không còn trở lại trạng thái này nữa.

"Đức Thế Tôn giảng giải như vậy, và các vị Tỳ Khuru lấy làm hoan hỷ, tán dương lời dạy của Ngài".

Khi Đức Phật thuyết xong thời Pháp, tâm của năm vị Tỳ Khuru đều trở nên hoàn toàn trong sạch, không còn chút ô nhiễm. ¹⁶

HẾT

¹ Ba sắc thái là: a. Tri kiến về Tứ Đế (Sacca-nana), b. Tri kiến có liên quan đến cơ năng của Tứ Đế (Kicca-nana) và, c. Tri kiến rằng cơ năng của mỗi đế đã được thành tựu (Kata-nana). Mỗi đế có ba sắc thái. Vậy, bốn đế gồm tất cả mười hai phương thức.

² Mahavagga tr. 10, Samyutta Nikaya (Tập A-Hàm), tập V, trang 420

³ Hiện nay là Saranath, nơi mà trong một tiền kiếp, Đức Thế Tôn đã hy sinh mạng sống để cứu một con thỏ cái đang lâm nạn cùng với một con thỏ con chưa sanh. Trong kiếp sống ấy Bồ Tát có tên là Saranganatha, người bảo vệ loài nai, do đó tên hiện tại của nơi này là Sarnath.

⁴ "Người đã đến như thế ấy" hay "Người đã đi như thế ấy". Đức Phật thường dùng hình dung từ này để tự xưng.

⁵ Chế ngự dục vọng.

⁶ Chứng ngộ Tứ Diệu Đế.

⁷ Thành đạt bốn Đạo và bốn Quả.

⁸ Pancupadanakkhandha (panca + upadana + khandha). Theo Phật Giáo, cái được gọi là chúng sanh gồm năm nhóm, hay năm uẩn, là Sắc (Rupa, vật chất), Thọ (Vedana), Tưởng (Sanna) , Hành (Sankhara) và Thức (Vinnana). Đó là năm thành phần tâm-vật-lý cấu tạo một chúng sanh. Sắc gồm những năng lực và đặc tánh. Tâm gồm những trạng thái tâm (cetasikas, tâm sở). Có tất cả năm mươi hai tâm sở. Trong năm mươi hai tâm sở ấy Thọ (Vedana) và Tưởng (Sanna) được kể như hai nhóm riêng biệt. Năm mươi tâm sở còn lại được gọi chung là Hành (Sankhara)

⁹ Có bốn Đế. Mỗi Đế có ba sắc thái. Vậy tất cả (3x4) là mười hai phương thức.

¹⁰ Âm chỉ A-La-Hán Quả (Arahatta-phala).

¹¹ Dhammacakkhu - pháp nhãn - có nghĩa là một trong ba thánh Đạo, Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm, và A Na Hàm. Lúc ấy ngài Kiều Trần Như đắc quả Tu Đà Hườn. Về sau các vị kia cũng đắc Tu Đà Hườn như vậy .

¹² Mahavagga tr.13, Samyutta Nikaya, Tập A-Hàm, phần iii, tr. 66

¹³ Một thực thể thường còn, không biến đổi tạo nên do một vị Thần Linh hay phát xuất từ một đại hồn (Paramatma, tinh hoa của Thần Linh).

¹⁴ Cái được gọi là chúng sanh gồm năm uẩn. Ngoài năm uẩn ấy không có chúng sanh. Nếu bỏ năm uẩn ra, sẽ không còn gì tồn tại. Không có linh hồn hay bản ngã trong một uẩn riêng lẻ, không có linh hồn trong năm uẩn hợp

lại, mà linh hồn cũng không có ngoài năm uẩn ấy. Đức Phật giảng giải giống như đoạn trên khi đề cập đến thọ, tưởng, hành, thức và cho thấy rằng không có một linh hồn hay bản ngã trong uẩn nào. Ở đây bản dịch thu gọn lại.

¹⁵ Vì bị ái dục (tanha) che lấp, ta suy tưởng sai lầm: "đây là của tôi". Bị ngã mạn (mana), che lấp ta suy tưởng: "đây là tôi". Bị tà kiến (miccha ditthi) che lấp, ta suy tưởng: "đây là tự ngã của tôi". Đó là ba quan niệm sai lầm (mannana).

¹⁶ Đó là: tất cả năm vị đều đắc Quả A-La-Hán